

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 33/2022/DS-PT

Ngày 29-8-2022

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất,
di dời tài sản trên đất và bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm

Ông Cao Đức Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLPT-DS, ngày 08-6-2022, về
việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, di dời tài sản trên đất và bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 31/2022/QĐ-PT ngày
15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Trung B; có mặt.

Bị đơn: Ông Chu Văn V; có mặt.

Cùng cư trú tại: Khu 5, thị trấn Nông trường T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Hoàng Thị Kim
K, Luật sư Văn phòng luật sư K thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị N; có mặt.

2. Anh Trần Nhân N; vắng mặt.

3. Anh Trần Đại V; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Khu 5, thị trấn Nông trường T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Ông Trần Trung B. Cư trú tại: Khu 5, thị trấn Nông trường T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị N, anh Trần Nhân N, anh Trần Đại V (văn bản ủy quyền ngày 03-11-2021); có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị P. Cư trú tại: Khu 5, thị trấn Nông trường T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Ông Chu Văn V. Cư trú tại: Khu 5, thị trấn Nông trường T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08-4-2022); có mặt.

5. Anh Chu Văn H. Cư trú tại: Khu 5, thị trấn Nông trường T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Ông Chu Văn V. Cư trú tại: Khu 5, thị trấn Nông trường T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22-4-2022); có mặt.

6. Chị Chu Thị P. Cư trú tại: Thôn C, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Ông Chu Văn V. Cư trú tại: Khu 5, thị trấn Nông trường T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12-4-2022); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Chu Văn V, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trần Trung B có vợ là bà Bùi Thị N. Anh Trần Nhân N, anh Trần Đại V là con trai của vợ chồng họ.

Ông Chu Văn V có vợ là bà Nguyễn Thị P. Anh Chu Văn H, chị Chu Thị P là con của vợ chồng họ.

Thửa đất số 147, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 05 xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn lập 2008 (viết tắt là thửa đất số 147) có tổng diện tích 144.663m² đất RSX đứng tên tại Sổ mục kê đất đai là ông Chu Văn V chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào.

Thửa đất số 182, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 05 xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn lập 2008 (viết tắt là thửa đất số 182) có tổng diện tích 52.773m² đất RSX đứng tên tại Sổ mục kê đất đai là ông Trần Trung B chưa được cấp GCNQSDĐ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào.

Ngày 18-4-2015, tại thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn đã xảy ra vụ việc cháy rừng của gia đình bị đơn ông Chu Văn V. Cơ quan chức năng cùng chính quyền địa phương đã lập Biên bản kiểm tra hiện trạng về việc cháy rừng

vào ngày 21-4-2015. Sau đó, ngày 22-4-2015, các lực lượng chức năng lại cùng chính quyền địa phương lập tiếp Biên bản kiểm tra hiện trường cháy rừng có Sơ đồ hiện trường vụ cháy kèm theo và xác định Biên bản lập ngày 21-4-2015 không đúng thực tế, cụ thể: Diện tích rừng keo, thông bị cháy là của ông Chu Văn V. Phía Đông diện tích rừng bị cháy giáp với khu rừng ông Trần Trung B. Khi đó, giữa khu rừng của bị đơn ông Chu Văn V bị cháy và khu rừng của nguyên đơn ông Trần Trung B đốt dọn xử lý thực bì có đoạn đường mới mở, chiều rộng bình quân 3,5m, qua kiểm tra không phát hiện có dấu vết cháy lan lên rừng nhà ông Chu Văn V (con đường này chính là đường vận xuất lâm nghiệp thể hiện tại Sơ đồ hiện trường).

Do nhiều năm chưa giải quyết được vụ án cháy rừng nên bị đơn chưa san ủi, trồng lại cây trên diện tích rừng đã bị cháy. Khoảng tháng 8 năm 2018, bị đơn thuê máy ủi, máy xúc cải tạo lại toàn bộ diện tích đất bị cháy rừng để trồng cây mới thì xảy ra tranh chấp diện tích 9.748m² với nguyên đơn. Sự việc này đã được các cơ quan chức năng xác minh, lập biên bản vào ngày 16-8-2018. Ngày 07-9-2018, tại Biên bản làm việc đối thoại với bị đơn đối với vụ cháy rừng, lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND huyện) đã kết luận tại cuộc đối thoại trong đó có nội dung: Đề nghị bị đơn khắc phục trồng lại rừng bị cháy. Ngày 10-9-2018, Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND xã T) cũng đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn nhưng không thành. Sau đó, bị đơn đã trồng cây (chủ yếu là cây bạch đàn) trên diện tích đất đã bị cháy rừng năm 2015 (trong đó có diện tích đang tranh chấp hiện nay).

Ngày 21-11-2018, Hạt Kiểm lâm huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là Hạt Kiểm lâm huyện) đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01/QĐ-KTVAHS-KL vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy đối với vụ việc cháy rừng xảy ra vào ngày 18-4-2015 tại thửa đất số 147 theo quy định tại Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là VKSND huyện) ra Quyết định chuyển vụ án hình sự cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là CQCSĐTCA huyện) tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền. Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VKS-ĐL, ngày 22-11-2018 của VKSND huyện, Hạt Kiểm lâm huyện đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc trên đến CQCSĐTCA huyện tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền. Ngày 09-12-2020, CQCSĐTCA huyện đã ra Bản kết luận điều tra vụ án hình sự trong trường hợp đình chỉ điều tra số 20, Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 03 và Thông báo số 293 về việc đình chỉ điều tra vụ án hình sự. Việc đình chỉ là do quá trình điều tra chưa xác định được bị can nhưng đã hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 20-12-2020, VKSND huyện có văn bản số 01/KSĐT về việc kiểm sát quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự xác định việc CQCSĐTCA huyện ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự là có căn cứ. Ngày 30-8-2021, nguyên đơn viết đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp đất đai gửi đến Tòa án.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02-12-2021 xác định: Đất

tranh chấp có tổng diện tích là 10.258,1m² đất RSX tại thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, trong đó có: 2.219,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 147 và 8.128,6m² đất thuộc một phần thửa đất số 182. Về tài sản trên đất: Tại thửa đất số 147 có 50 cây bạch đàn đường kính gốc dưới 05cm, 404 cây bạch đàn đường kính gốc từ 05-10cm. Tại thửa đất số 182 có 190 cây bạch đàn đường kính gốc dưới 05cm, 1.541 cây bạch đàn đường kính gốc từ 05-10cm. Toàn bộ các cây bạch đàn này do bị đốn trồng năm 2018. Giá trị đất theo giá thị trường là 5.000đồng/m²; tài sản trên thửa đất số 147 là 10.096.000 đồng; tài sản trên thửa đất số 182 là 38.504.000 đồng.

Tại Văn bản số 101/UBND-TNMT ngày 30-3-2022 của UBND huyện về việc cung cấp thông tin về đất tranh chấp xác định: Trong Sổ mục kê đất đai, đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 147 đứng tên hộ ông Chu Văn V là người sử dụng đất; đất tranh chấp thuộc một phần thửa số 182 đứng tên hộ ông Trần Trung B là người sử dụng đất. Cả 02 thửa đất này đều chưa được cấp GCNQSDĐ cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào, nếu không có tranh chấp và người sử dụng đất sử dụng đúng mục đích, ranh giới, đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thì đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ theo quy định.

Tại cấp sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn xác định đất tranh chấp có diện tích khoảng 9.748m² chưa được cấp GCNQSDĐ cho bị đơn. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn xác định đất tranh chấp có diện tích 10.258,1m². Đất tranh chấp thuộc một phần diện tích đất do gia đình nguyên đơn tự khai phá năm 2000 từ đất của Công ty cổ phần chè T Lạng Sơn (viết tắt là Công ty), được Giám đốc Công ty đồng ý nên nguyên đơn chỉ khai phá phần đất trống không có cây chè. Một thời gian sau, bị đơn cũng đến khai phá đất ở bên cạnh và khai phá cả vào phần đất có trồng chè nên đã bị Công ty yêu cầu đến làm việc nhiều lần nhưng không chấp hành. Mặc dù khai phá đã lâu, nhưng do không có điều kiện nên đến năm 2006 nguyên đơn mới tiến hành trồng khoảng 5 đến 6 nghìn cây keo trên một phần đất đã khai phá nhưng không trồng vào phần đất đang có tranh chấp. Tuy phần đất tranh chấp không trồng gì, nhưng nguyên đơn vẫn là người quản lý. Năm 2008, nguyên đơn mới trồng 150 cây thông trên đất tranh chấp. Khi đo đạc Bản đồ địa chính nguyên đơn và con trai bị đơn đã chỉ dẫn trực tiếp trên thực địa phần đất mỗi gia đình đang sử dụng mà không hề có tranh chấp. Năm 2010, trong quá trình quản lý, sử dụng đất, nguyên đơn đã làm cháy rừng nhà bị đơn và một số gia đình khác nên đã đi trồng lại rừng cho các gia đình đó. Năm 2015, nhà bị đơn tiếp tục bị cháy rừng, sự việc này đã được các cơ quan chức năng tiến hành lập biên bản, điều tra nhưng không xác định người gây ra vụ cháy. Năm 2018, bị đơn dùng máy xúc, xới toàn bộ diện tích đất tranh chấp phá bỏ 32 cây thông to, 50 cây thông nhỏ và cây keo nhỏ của nguyên đơn nên xảy ra tranh chấp. Dù năm 2018 hòa giải tranh chấp không thành nhưng do bận nhiều công việc nên đến cuối tháng 8 năm 2021, nguyên đơn mới khởi kiện vụ việc ra Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp với tổng diện tích 10.258,1m² đất; yêu cầu bị đơn di dời toàn

bộ các cây bạch đàn đã trồng trên đất; yêu cầu bị đơn phải bồi thường thiệt hại đối với 32 cây thông to, 50 cây thông nhỏ và cây keo nhỏ với tổng số tiền là 4.000.000 đồng; yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại 20.000.000 đồng do việc trồng bạch đàn của bị đơn làm hại đất và nguyên đơn không khai thác, sử dụng được đất từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 22.800.000 đồng và đề nghị giải quyết chi phí này theo quy định.

Với tư cách là người được ủy quyền, nguyên đơn không bổ sung ý kiến gì thêm.

Bị đơn ông Chu Văn V trình bày: Đất tranh chấp có nguồn gốc thuộc một phần diện tích đất gia đình bị đơn khai phá năm 2007 từ khu đất trồng chè bỏ hoang của Công ty. Tổng diện tích gia đình bị đơn khai phá được khoảng 08ha. Việc khai phá này không được Công ty cho phép nên bị đơn đã bị Công ty nhiều lần yêu cầu lên làm việc nhưng bị đơn không thực hiện. Tháng 5 năm 2008, phần đất bị đơn khai phá được Công ty bàn giao trả về cho UBND xã. Sau đó, bị đơn đã trồng thông, trồng keo trên đất mà không có tranh chấp với ai. Phần đất bị đơn khai phá có tiếp giáp với phần đất nguyên đơn khai phá và năm 2010 đã bị nguyên đơn làm cháy một phần diện tích cây trên đất; khi đó nhà bị đơn không yêu cầu bồi thường mà yêu cầu nguyên đơn phải đi trồng lại cây trên đất. Ngày 18-4-2015, gia đình bị đơn bị cháy rừng khoảng 5,5ha có cây thông to, cây thông nhỏ và cây keo. Bị đơn đã trình báo chính quyền địa phương yêu cầu xử lý hình sự vụ việc trên. Đến tháng 9 năm 2018, được sự đồng ý của UBND huyện, nguyên đơn mới dùng máy xúc, xới toàn bộ diện tích cháy rừng thì nguyên đơn đến tranh chấp đất đai. Sự việc đã được hòa giải nhưng không thành, bị đơn đã trồng cây, trong đó có trồng 12.000 cây bạch đàn trên phần đất bị cháy rừng và không có tranh chấp với ai. Diện tích đất tranh chấp nằm trong một phần diện tích cháy rừng ngày 18-4-2015 của bị đơn; cây trên đất hiện nay là do bị đơn trồng năm 2018; các cây trồng nguyên đơn yêu cầu bồi thường là cây do bị đơn trồng năm 2007 sau trận cháy rừng còn sót lại. Do đó, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Với tư cách là người được ủy quyền, bị đơn không bổ sung ý kiến gì thêm.

Người làm chứng ông Trần Thanh N, ông Bùi Xuân N trình bày: Đất tranh chấp trước năm 2005 là đất của Xí nghiệp Nông công nghiệp chè T. Năm 2005 Xí nghiệp chuyển đổi thành Công ty cổ phần chè T Lạng Sơn. Năm 2007, Nhà nước rà soát lại ranh giới đất các để giao lại cho Công ty quản lý, phần đất đang tranh chấp khi chưa có quyết định thu hồi vẫn thuộc Công ty quản lý. Trước khi chưa trả lại đất cho chính quyền địa phương thì đất này là vườn chè của Công ty, trong năm 2007 bị đơn có đến phát vườn chè để trồng cây lâm nghiệp không được sự đồng ý của Công ty, Công ty có mời bị đơn đến xử lý nhưng bị đơn không chấp hành. Trước năm 2007, nguyên đơn cũng có sử dụng đất ngay sát với vườn chè là đất của Công ty nhưng Công ty chưa sử dụng đến và được ông Trần Thanh N khi đó là Giám đốc nhất trí. Năm 2008, khi biết được đất đang tranh chấp không thuộc về Công ty thì Công ty đã trả lại đất cho chính quyền địa phương. Từ đó Công ty không còn liên quan gì đến diện tích đất mà các bên

đang có tranh chấp và các ông cũng không rõ về quá trình quản lý, sử dụng đất của các bên sau đó ra sao nên các ông đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 27-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, đã quyết định:

1. Về tranh chấp quyền sử dụng đất, di dời tài sản trên đất và bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa tạm số 182.1; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa tạm số 147.1, các yêu cầu của nguyên đơn đòi bồi thường thiệt hại về cây keo, cây thông và yêu cầu bồi thường do không sử dụng được đất.

Nguyên đơn được quản lý, sử dụng 8.128,6m² đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 182, tờ bản đồ số 05 xã T và được sở hữu tài sản (các cây bạch đàn) trên diện tích đất trên. Nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán giá trị cây bạch đàn cho bị đơn tổng số tiền là 38.504.000 đồng. Bị đơn được quản lý, sử dụng 2.129,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 147 tờ bản đồ số 05 xã T và sở hữu tài sản các cây bạch đàn) trên diện tích đất trên.

(Có trích đo địa chính kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng. Nguyên đơn phải chịu 4.738.000 đồng tiền chi phí tố tụng. Xác nhận nguyên đơn đã thanh toán số tiền 22.800.000 đồng. Bị đơn phải chịu số tiền 18.062.000 đồng chi phí tố tụng để trả lại cho nguyên đơn.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bị đơn kháng cáo đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, cụ thể: Bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn đòi được quản lý sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 147 và thuộc một phần thửa đất 182 có tổng diện tích là 10.258,1m², vì không có căn cứ. Công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của bị đơn đối với diện tích đất và tài sản trên đất tranh chấp. Buộc nguyên đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp với bị đơn và phải chịu toàn bộ tiền án phí và chi phí tố tụng.

Cấp phúc thẩm đã tiến hành lấy lời khai bổ sung của các đương sự làm rõ về việc cháy rừng ngày 18-4-2015 của bị đơn; đồng thời, yêu cầu các cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến đất tranh chấp, đến việc cháy rừng. Qua đó, xác định được các vấn đề sau: Con đường vận xuất lâm nghiệp theo Sơ đồ hiện trường ngày 22-4-2015 do cơ quan chức năng lập hiện vẫn còn nguyên trạng trên thực tế. Đây là con đường do gia đình nguyên đơn mở vào năm 2014 trên phần đất theo nguyên đơn xác định thuộc quyền quản lý, sử dụng của nguyên đơn. Thửa đất số 182, Sổ mục kê đất đai mang tên nguyên đơn nhưng nguyên đơn không quản lý, sử dụng toàn bộ. Bị đơn cũng đang trực tiếp quản lý, sử dụng một phần thửa đất này từ năm 2007 mà không hề có tranh chấp. Thửa đất số 147, Sổ mục kê đất đai mang tên bị đơn nhưng bị đơn không quản lý, sử dụng toàn bộ. Nguyên đơn và một số gia đình khác như gia đình bà

Nguyễn Thị L, gia đình ông Nguyễn Đức C cũng đang trực tiếp quản lý, sử dụng một phần thửa đất này mà không hề có tranh chấp.

Ngày 01-8-2022, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung trước sự chứng kiến của hai bên đương sự, các lực lượng chức năng đã giải quyết vụ việc hình sự cháy rừng ngày 18-4-2015 đều có mặt. Qua đó xác định được chính xác diện tích rừng bị đốn bị cháy, diện tích rừng còn lại không bị cháy năm 2015; diện tích rừng nhà nguyên đơn đang sử dụng; hiện trạng đường vận xuất lâm nghiệp do bị đốn mở năm 2014; phần đất hiện trạng nguyên đơn, bị đốn đang sử dụng giáp liền kề với khu đất tranh chấp... Tổng chi phí tố tụng là 26.296.000 đồng bị đốn là người nộp tạm ứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Chu Văn V thay đổi một phần nội dung kháng cáo, ông yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi được quản lý sử dụng 8.128,6m² đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 182, vì không có căn cứ; công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của vợ chồng bị đốn đối với diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên; buộc nguyên đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp với gia đình bị đốn và phải chịu toàn bộ tiền án phí và chi phí tố tụng.

Ông Trần Trung B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đốn, ông đề nghị giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm; về chi phí tố tụng mới phát sinh ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Hoàng Thị Kim K là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đốn trình bày: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhất là các tài liệu cấp phúc thẩm đã khắc phục bổ sung có liên quan đến vụ cháy rừng ngày 18-4-2015 có đủ căn cứ xác định 8.128,6m² đất thuộc một phần thửa đất số 182 thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bị đốn là có căn cứ pháp lý, cây trồng trên đất do bị đốn trồng nên thuộc quyền sở hữu của gia đình bị đốn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị đốn; nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; có đương sự vắng mặt nhưng người được có ủy quyền đã có mặt.

2. Về việc giải quyết kháng cáo: Căn cứ vào nguồn gốc đất tranh chấp; căn cứ vào quá trình quản lý, sử dụng đất theo hiện trạng của các bên; căn cứ vào hồ sơ hình sự vụ cháy rừng ngày 18-4-2015 và chính lời khai của các đương sự tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ, xác định được 8.128,6m² đất thuộc

một phần thửa đất số 182 nằm trong ranh giới diện tích rừng thông của bị đơn trồng bị cháy ngày 18-4-2015. Phần diện tích đất tranh chấp với phần diện tích nguyên đơn hiện đang quản lý, sử dụng trồng keo có ranh giới rõ ràng là đường vận xuất lâm nghiệp do gia đình nguyên đơn mở năm 2014 và ranh giới theo rãnh đào. Như vậy, có căn cứ xác định 8.128,6m² tranh chấp là do bị đơn đã khai phá, quản lý sử dụng trồng cây thông từ năm 2007, đến năm 2015 thì bị cháy, năm 2018 bị đơn tiếp tục trồng cây bạch đàn trên đất. Gia đình bị đơn có quyền quản lý sử dụng hợp pháp đối với đất tranh chấp và tài sản cây trên đất nên kháng cáo của bị đơn yêu cầu được quản lý sử dụng diện tích 8.128,6m² đất và tài sản trên đất tranh chấp; buộc nguyên đơn phải chấm dứt hành vi tranh chấp là có căn cứ, cơ sở chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ; kháng cáo của bị đơn có căn cứ được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng của vụ án. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn có thiếu sót đó là: Không tuyên đương sự có nghĩa vụ đăng ký, kê khai cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của ông Chu Văn V; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 27-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn như phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa tuy mở lần thứ nhất nhưng đã được triệu tập hợp lệ, có đương sự vắng mặt nhưng người đại diện theo uỷ quyền có mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 8.128,6m² đất thuộc một phần thửa đất số 182 và tài sản trên đất, thấy rằng:

[3] Trong vụ án này, nguyên đơn yêu cầu cấp sơ thẩm giải quyết đất tranh chấp có tổng diện tích 10.258,1m² đất RSX tại thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, trong đó có: 2.219,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 147 và 8.128,6m² đất thuộc một phần thửa đất số 182. Diện tích đất tranh chấp từ năm 2005 đến trước tháng 8-2018 không có tranh chấp giữa hai bên. Khi bị đơn san ủi đất vào năm 2018 thì mới xảy ra tranh chấp với nhau.

[4] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp thấy: Tất cả các đương sự đều thừa nhận trước năm 2005, đất tranh chấp có nguồn gốc là đất Nhà nước giao cho Xí nghiệp Nông công nghiệp chè T quản lý. Năm 2005, Xí nghiệp chuyển đổi thành Công ty cổ phần chè T Lạng Sơn. Năm 2007, Nhà nước rà soát lại ranh giới đất thực tế để giao lại cho Công ty quản lý cho phù hợp. Qua rà soát có rất nhiều diện tích đất thuộc quyền quản lý của Công ty nhưng thực tế người dân đã và đang sử dụng từ nhiều năm trước, trong đó có phần đất đang có tranh chấp. Nguyên đơn, bị đơn đều có khai phá, sử dụng của đất Công ty trước năm 2008, ngoài phần đất tranh chấp thì cả hai cũng đang sử dụng nhiều diện tích đất khác

liền kề đất tranh chấp. Phần đất của nguyên đơn, bị đơn sử dụng khi đó có ranh giới một phía giáp với nhau. Sau khi đo đạc Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp thể hiện thửa đất số 147 có tổng diện tích 144.663m² đứng tên tại Sổ mục kê đất đai là ông Chu Văn V; thửa đất số 182 có tổng diện tích 52.773m² đứng tên tại Sổ mục kê đất đai là ông Trần Trung B. Toàn bộ thửa đất số 147, 182 chưa được cấp GCNQSDĐ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nào.

[5] Xét về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp thấy: Cả hai bên đều cho rằng đất tranh chấp thuộc một phần đất nằm trong khu đất mỗi bên đang sử dụng. Qua kiểm tra các tài liệu, chứng cứ thấy: Gia đình nguyên đơn đang quản lý, sử dụng 34.828,7m² đất thuộc một phần thửa đất số 182; diện tích 1.640,7m² đất thuộc một phần thửa đất số 237 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 05 xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn và một phần diện tích của đất thửa đất số 147 mà không có tranh chấp với ai từ năm 2005 đến nay. Gia đình bị đơn đang quản lý, sử dụng 9.721,9m² đất thuộc một phần thửa đất số 182, gần 5ha đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa đất số 147 và một phần diện tích đất thuộc một phần thửa đất số 181 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 05 xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn mà không có tranh chấp với ai từ năm 2007 đến nay. Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 147 trên thực tế còn có nhiều gia đình khác đó là nhà bà Nguyễn Thị L, nhà ông Nguyễn Đức C đã và đang quản lý sử dụng từ năm 2005 mà không có tranh chấp. Như vậy, tại Sổ mục kê đất đai tuy nguyên đơn đứng tên tại thửa đất số 182, bị đơn đứng tên tại thửa đất số 147 nhưng thực tế việc quản lý, sử dụng các thửa đất này không đúng như Sổ mục kê đất đai thể hiện. Trong quá trình sử dụng đất, năm 2010 nguyên đơn đốt biểu bì thực vật trên phần đất của mình đã dẫn đến cháy sang diện tích đất có rừng của bị đơn và một số gia đình khác liền kề. Sau sự việc này, nguyên đơn đã phải trồng cây lại cho các gia đình đó và ranh giới đất đai giữa nguyên đơn, bị đơn, các hộ xung quanh không hề có sự thay đổi, cũng không có tranh chấp.

[6] Đến trước ngày 18-4-2015, qua chính sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu có trong hồ sơ đặc biệt là hồ sơ vụ án Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy đối với vụ việc cháy rừng xảy ra vào ngày 18-4-2015 của gia đình bị đơn thể hiện những vấn đề sau:

[7] Thứ nhất: Trên toàn bộ phần đất nguyên đơn đang quản lý, sử dụng khi đó thì nguyên đơn đã thu hoạch hết cây trồng trên đất, đang xử lý biểu bì thực vật để chuẩn bị trồng cây mới.

[8] Thứ 2: Trên toàn bộ phần đất bị đơn đang quản lý, sử dụng hiện đều có các cây thông, cây keo được trồng từ năm 2007 chưa thu hoạch.

[9] Thứ 3: Ranh giới phần đất phía Tây của bị đơn tiếp giáp với phần đất phía Đông của gia đình ông Đỗ Hữu T không hề có tranh chấp, đường phân định bằng khe đồi. Khi đó, phần đất của ông Đỗ Hữu T cũng đã khai thác hết cây, đang thuê người xử lý biểu bì thực vật để chuẩn bị trồng cây mới.

[10] Thứ 4: Ranh giới phần đất phía Đông của bị đơn tiếp giáp với phần đất phía Tây của gia đình nguyên đơn có phân định ranh giới (gần hết ranh giới) là

đường đất. Con đường đất này rộng khoảng 3,5m, do gia đình nguyên đơn mở trên phần đất của mình để vận chuyển lâm sản được thuận lợi.

[11] Vào ngày 18-4-2015, một phần khu rừng có trồng cây keo, cây thông của gia đình bị đơn bị cháy với diện tích khoảng 5,5 ha. Do có Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy nên cơ quan chức năng đã khởi tố vụ án theo quy định tại Điều 240 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngày 09-12-2020, CQCSĐTCA huyện đã ra Bản kết luận điều tra vụ án hình sự trong trường hợp đình chỉ điều tra, Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự và Thông báo về việc đình chỉ điều tra vụ án hình sự do quá trình điều tra chưa xác định được bị can nhưng đã hết thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 20-12-2020, VKSND huyện có văn bản xác định Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự là có căn cứ. Bị đơn không có ý kiến gì về việc này.

[12] Ngày 01-8-2022, cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung trước sự chứng kiến của hai bên đương sự, các lực lượng chức năng đã điều tra, xác minh vụ việc hình sự cháy rừng ngày 18-4-2015 của bị đơn đều có mặt và đã xác định được các vấn đề sau:

[13] Thứ nhất: Xác định rõ ranh giới, diện tích rừng gia đình bị đơn bị cháy được xác định từ điểm B17, A1, A2, A3, A4, B10, B9, C3, C2, C1, B14; và diện tích rừng còn lại không bị cháy của bị đơn được thể hiện tại Trích đo khu đất tranh chấp.

[14] Thứ 2: Xác định rõ ranh giới, diện tích rừng gia đình nguyên đơn đang thực tế quản lý, sử dụng được xác định từ điểm B16, B17, A1, A2, A3, A4, B10, B9, B8, B7, B6, B5, B4, B3, C4, B2, B1, C6 được thể hiện tại Trích đo khu đất tranh chấp. Trong phần đất này có con đường vận xuất lâm nghiệp do nguyên đơn mở năm 2014.

[15] Thứ 3: Phần diện tích đất đang có tranh chấp giữa các đương sự được xác định từ điểm A1, A2, A3, A4, A5, A6 nằm trong phần diện tích rừng của gia đình bị đơn bị cháy vào ngày 18-4-2015 được thể hiện tại Trích đo khu đất tranh chấp.

[16] Thứ 4: Con đường vận xuất lâm nghiệp do nguyên đơn mở năm 2014 là ranh giới gần hết phần đất phía đông khu vực cháy rừng với phần đất phía tây của nguyên đơn khi đó đang đốt biểu bì thực vật. Đất tranh chấp nằm bên trái con đường theo hướng Nam Bắc. Phần mép đường bên trái của đường vận xuất lâm nghiệp tại diện tích đất tranh chấp chính là các điểm A1, A2, A3 được thể hiện tại Trích đo khu đất tranh chấp.

[17] Thứ 5: Phần ranh giới còn lại giữa hai gia đình cũng chính là đường hào hiện vẫn xác định có trên đất thể hiện từ điểm A3, A4, B10, B9, B8 trên Trích đo khu đất tranh chấp (đây là đường phân định do chính các bên xác lập).

[18] Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 11-7-2022, nguyên đơn khẳng định: Năm 2000, nguyên đơn chỉ khai phá và quản lý 3ha đất của Công ty. Đến năm 2006, nguyên đơn mới trồng cây keo trên 03 ha đất đó (không trồng trên đất tranh chấp). Năm 2014, nguyên đơn khai thác toàn bộ các cây keo trên

đất. Năm 2015 nguyên đơn dọn đốt biểu bì thực vật trên toàn bộ phần đất của mình để trồng cây mới thì xảy ra sự việc cháy rừng thông, keo của bị đơn đó là ngày 18-4-2015. Diện tích rừng thông, keo bị cháy của bị đơn sát liền kề với đất của nguyên đơn đang dọn biểu bì thực vật. Sau đó, nguyên đơn trồng cây keo trên phần đất của gia đình mình. Con đường vận xuất lâm nghiệp vẫn nguyên hiện trạng. Phần đất rừng của bị đơn bị cháy trong mấy năm liền bị đơn không trồng gì trên đất. Năm 2018 bị đơn có thuê máy san ủi hết toàn bộ diện tích đất rừng đã bị cháy. Khi san ủi, thì bị đơn chỉ san ủi phần đất của mình vào sát mép của con đường vận xuất lâm nghiệp của nguyên đơn. Như vậy, nguyên đơn cho rằng vào năm 2018 trên đất tranh chấp có 32 cây thông to, 50 cây thông nhỏ của nguyên đơn là không có căn cứ, không phù hợp với chính lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và không phù hợp với thực khách quan.

[19] Hiện trạng thực tế hiện nay thể hiện rõ: Trên phần đất nguyên đơn đang sử dụng là các cây keo mới trồng năm 2021-2022 sau khi khai thác hết lứa cây keo đã trồng năm 2015. Trên phần đất không bị cháy rừng bị đơn đang quản lý, sử dụng vẫn còn một phần diện tích trồng thông từ năm 2007; một phần trồng cây keo, bạch đàn năm 2018. Đối với toàn bộ diện tích rừng bị cháy ngày 18-4-2015 bị đơn trồng cây keo một phần, còn lớn còn lại trồng bạch đàn năm 2018, trong đó diện tích đất tranh chấp bị đơn trồng cây bạch đàn. Sự khác biệt rất rõ về ranh giới đất của hai gia đình. Ranh giới đất giữa hai bên là đường vận xuất lâm nghiệp và đường hào đào ngăn cách giữa hai gia đình.

[20] Từ những phân tích, đánh giá trên có đủ căn cứ xác định: Toàn bộ 10.258,1m² đất tranh chấp thuộc quyền quản lý sử dụng của bị đơn. Các cây trồng trên đất hiện nay do bị đơn trồng nên thuộc quyền sở hữu của bị đơn. Xét thấy, cấp sơ thẩm chưa làm rõ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên dẫn đến việc đánh giá chứng cứ không khách quan, không toàn diện. Cấp sơ thẩm chỉ đơn thuần căn cứ việc đứng tên người sử dụng các thửa đất số 147, 182 trên Sổ mục kê đất đai mà chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, cho nguyên đơn được quản lý, sử dụng 8.128,6m² đất thuộc một phần thửa đất số 182 là không khách quan, không đúng quy định của pháp luật. Do đó, có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[21] Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng tổng số tiền 22.80000.000đồng. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 26.296.000đồng. Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận, nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí này. Xác nhận nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 22.80000.000đồng, nguyên đơn phải có trách nhiệm trả lại cho bị đơn số tiền 26.296.000đồng.

[22] Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn có vi phạm sau: Đất tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ, khi tuyên cho người sử dụng đất được quyền quản lý, sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất nhưng cấp sơ thẩm không tuyên đầy đủ đến địa danh huyện, tỉnh phần đất đã giao quản lý, sử dụng; không tuyên về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất trong việc kê khai ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất. Ngoài ra, cũng không buộc chấm dứt hành

vi tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất và tài sản gắn liền với đất là không toàn diện, không đầy đủ các nội dung theo các quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Thi hành án dân sự và sẽ khó khăn cho việc thi hành án nên cấp phúc thẩm phải khắc phục vấn đề này đối với toàn bộ diện tích đất tranh chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

[23] Do yêu cầu không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp, nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền 600.000đồng.

[24] Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả người kháng cáo số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[25] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ pháp lý, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Chu Văn V; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2022/DS-ST ngày 27-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 158, Điều 164, Điều 169, Điều 221, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 26, Điều 95, Điều 98, Điều 99, Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ vào Điều 24, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về yêu cầu khởi kiện: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung B về việc yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích 10.258,1m² đất tại thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; yêu cầu di dời các tài sản (cây bạch đàn) trên diện tích 10.258,1m² đất nêu trên; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản (cây trồng) với số tiền 4.000.000 đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại do thiệt hại về đất, do không sử dụng được đất với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, vì không có căn cứ pháp luật.

2. Về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

2.1. Ông Chu Văn V, bà Nguyễn Thị P được quản lý và sử dụng tổng diện tích 10.258,1m² đất rừng sản xuất tại thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn và

được quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (240 cây bạch đàn có đường kính gốc dưới 5cm và 1.945 cây bạch đàn có đường kính gốc từ 5cm - 10cm) trên diện tích đất nêu trên. Diện tích 10.258,1m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa) A1, A2, A4, A5, A6 thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án, bao gồm:

Diện tích 2.219,5m² đất rừng sản xuất thuộc một phần thửa đất số 147, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 05 xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (trên đất có 50 cây bạch đàn có đường kính gốc dưới 5cm và 404 cây bạch đàn có đường kính gốc từ 5cm - 10cm). Diện tích 2.219,5m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa) A1, A2, A5, A6 thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

Diện tích 8.128,6m² đất rừng sản xuất thuộc một thửa đất số 182, tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 05 xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn (trên đất có 190 cây bạch đàn có đường kính gốc dưới 5cm và 1.541 cây bạch đàn có đường kính gốc từ 5cm - 10cm). Diện tích 8.128,6m² đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm (đỉnh thửa) A2, A3, A4, A5 thể hiện tại Phụ lục kèm theo Bản án.

2.2. Về đăng ký quyền sử dụng đất: Ông Chu Văn V, bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thực hiện kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích nêu tại mục 2.1 và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) nêu tại mục 2.1 theo quy định của pháp luật đất đai.

2.3. Buộc ông Trần Trung B, bà Bùi Thị N, anh Trần Nhân N, anh Trần Đại V chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất nêu tại mục 2.1 và tài sản gắn liền với đất nêu tại mục 2.1 với ông Chu Văn V, bà Nguyễn Thị P.

3. Về chi phí tố tụng

Ông Trần Trung B phải chịu tổng số tiền 49.096.000đồng về việc chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. Xác nhận ông Trần Trung B đã nộp số tiền 22.800.000đồng. Xác nhận ông Chu Văn V đã nộp số tiền 26.296.000đồng. Sau khi khấu trừ, ông Trần Trung B phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Chu Văn V số tiền là 26.296.000đồng (hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí

4.1. Về án phí sơ thẩm: Ông Trần Trung B phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 13-10-2021, ông Trần Trung B đã nộp tạm ứng số tiền 900.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003607 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi khấu trừ, hoàn trả lại cho ông Trần Trung B số tiền 600.000đồng (sáu trăm nghìn đồng).

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Chu Văn V không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Chu Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003631 ngày 16-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND h. Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h. Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h. Đ, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người TGT khác;
- Lưu: Hồ sơ; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hoa